

BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC THÍCH ỨNG NGHỀ CHO SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM MẦM NON TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

Phan Thị Lan*

Trường Đại học Phú Yên

Tóm tắt

Nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng giáo viên mầm non là nhiệm vụ quan trọng của các trường, khoa sư phạm mầm non. Trong quá trình đào tạo, sinh viên không những được trang bị kiến thức lý luận về khoa học giáo dục mầm non nói chung mà còn được thực hành, rèn luyện kỹ năng nghề sư phạm mầm non nói riêng. Thực tế cho thấy, nhiều sinh viên ngành sư phạm mầm non chưa nhận thức đúng chuẩn nghề nghiệp của nghề giáo viên mầm non, khả năng thích ứng với hoạt động học tập và rèn luyện nghề còn hạn chế. Trên cơ sở tìm hiểu và khảo sát năng lực thích ứng nghề của sinh viên, chúng tôi đề xuất một số biện pháp tác động nhằm tăng cường và nâng cao năng lực thích ứng nghề cho sinh viên, với tư cách là những giáo viên trẻ trong tương lai thực hiện nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non.

Từ khóa: Biện pháp, Năng lực thích ứng nghề, sinh viên ngành sư phạm mầm non

Abstract

Some measures for developing professional adaptation competences for the students majored in pre-school education at Phu Yen University

The task of training and fostering pre-school teachers is an important duty of pre-school teachers training universities and faculties. During the training process, students are not only equipped with the theoretical knowledge about early childhood education science but also taught and practice the skills of pre-school pedagogy in particular. In fact, many pre-school education students are not fully aware of the professional standards of the pre-school teacher profession, their adaptation abilities to the learning and training activities is still limited. On the basis of understanding and surveying the professional adaptation competence of the pre-school students, we propose a number of measures to enhance the capacity of adaptation for the students who are the future young teachers to undertake the task of caring for and educating the pre-school children.

Key words: Measures, professional adaptation competence, pre-school education students

1. Đặt vấn đề

Giáo dục mầm non là bậc học đầu tiên có vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển nguồn lực con người. Trong quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ em ở trường mầm non, giáo viên mầm non luôn giữ vị trí quan trọng nhất. Đội ngũ giáo viên là lực lượng cốt cán biến các mục tiêu chăm sóc, giáo dục trẻ thành hiện thực, giữ vai trò quyết định chất lượng và hiệu quả giáo dục. Đội ngũ giáo viên mầm non phải được đào tạo một cách có hệ thống trong nhà trường sư phạm, nhằm cung cấp cho họ những hiểu biết rộng, linh hoạt, nhạy bén,

* Email: lanphantl.pyu@gmail.com

có chuyên môn, có kỹ năng đáp ứng với công tác nuôi dạy trẻ theo yêu cầu đổi mới hiện nay của xã hội. Việc đào tạo và bồi dưỡng giáo viên mầm non là nhiệm vụ quan trọng của các trường, khoa sư phạm mầm non. Trong quá trình đào tạo, sinh viên không những được trang bị kiến thức lý luận về khoa học giáo dục mầm non nói chung mà còn được thực hành rèn luyện kỹ năng nghề sư phạm mầm non nói riêng.

Thực tế cho thấy, nhiều sinh viên ngành sư phạm mầm non chưa xác định rõ mục tiêu, động cơ nghề nghiệp của mình, chưa nhận thức đúng chuẩn nghề nghiệp của nghề giáo viên mầm non, khả năng thích ứng với hoạt động học tập và rèn luyện nghề còn hạn chế. Sinh viên ngành sư phạm mầm non chưa hình dung được những khó khăn và yêu cầu cao trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non. Vì vậy sinh viên gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình học tập và rèn luyện nghề, có sinh viên còn băn khoăn với việc chọn nghề của bản thân. Mặt khác, thực tế chứng minh nhiều sinh viên được đào tạo nghề giáo viên mầm non nhưng khi đối mặt với công việc chăm sóc và giáo dục trẻ tại cơ sở mầm non lại không thành công, xảy ra nhiều hậu quả nghiêm trọng trong việc xử lý các tình huống liên quan đến vấn đề đạo đức nghề nghiệp. Vấn đề này đã ảnh hưởng không nhỏ đến hứng thú học tập, quá trình học tập và rèn luyện, kết quả học tập của sinh viên ở trường đại học. Vì vậy, trong quá trình học tập và rèn luyện để thành nghề, sinh viên ngành sư phạm mầm non cần phải nhìn thấy toàn bộ bức tranh về nhân cách nghề, chuẩn nghề nghiệp của người giáo viên mầm non, trong đó có năng lực thích ứng nghề. Năng lực thích ứng nghề có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình hoạt động nghề, giúp cá nhân có khả năng thay đổi và hoàn thiện những đặc điểm nhân cách nghề cho phù hợp, đáp ứng yêu cầu, đạt hiệu quả và nâng cao năng suất hoạt động nghề.

2. Thực trạng phát triển năng lực thích ứng nghề cho sinh viên ngành sư phạm mầm non tại Trường Đại học Phú Yên

2.1. Một số khái niệm liên quan

a. Năng lực: Là một trong những thành tố quan trọng trong cấu trúc của nhân cách. Dưới góc độ Giáo dục học, năng lực là kết quả của quá trình giáo dục, rèn luyện của cá nhân, thể hiện ở những kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp để cá nhân có thể tham gia hiệu quả vào một lĩnh vực hoạt động nhất định.

b. Thích ứng: Thường được dùng trong hoạt động tâm lý xã hội, là quá trình biến đổi đời sống tâm lý và hệ thống hành vi cá nhân để đáp ứng được những yêu cầu, đòi hỏi của những điều kiện sống mới và hoạt động mới.

c. Nghề và nghề nghiệp: Theo Từ điển Tiếng Việt, nghề là một lĩnh vực hoạt động lao động, trong đó con người sử dụng tri thức, kỹ năng để làm ra các loại sản phẩm vật chất hay tinh thần đáp ứng nhu cầu xã hội và bản thân.

Nghề nghiệp, theo nghĩa Latinh, đó là công việc chuyên môn được định hình một cách có hệ thống, là dạng hoạt động đòi hỏi một trình độ học vấn nào đó để thực hiện hoạt động, giúp con người tồn tại và phát triển [4].

Ở phương diện thích ứng, nghề và nghề nghiệp không tách biệt nhau, bởi sự thích ứng diễn ra trong cả quá trình học nghề và hành nghề, nên thích ứng nghề và thích ứng nghề nghiệp đều có ý nghĩa như nhau.

d. Nghề giáo viên mầm non

Đây là lĩnh vực hoạt động lao động chăm sóc và giáo dục trẻ em dưới 6 tuổi. Nhờ

được đào tạo, giáo viên mầm non có được những tri thức về sự phát triển thể chất, tâm sinh lý trẻ em; về phương pháp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ em; về những kỹ năng nhất định để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ em dưới 6 tuổi, đáp ứng nhu cầu xã hội về phát triển con người mới trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa.

Nghề giáo viên mầm non là một nghề khó, đòi hỏi sự linh hoạt và sáng tạo trong quá trình lao động, bởi vì:

- *Xét từ góc độ cá nhân* [4]: Trẻ em có sự khác biệt trong quá trình phát triển: mỗi trẻ có cấu trúc thần kinh khác nhau, có tốc độ phát triển nhanh và không đồng đều, có vốn sống kinh nghiệm khác nhau ...; Trẻ em có những năng lực, thiên hướng riêng: có trẻ yêu âm nhạc, trẻ khác có năng khiếu vẽ, nhiều trẻ khác có khả năng bắt chước và học nói nhanh có thể học tốt một ngôn ngữ sau này ...; Trẻ em lứa tuổi mầm non rất đa dạng, xuất phát từ nền kinh tế và môi trường giáo dục gia đình khác nhau,...

- *Xét từ góc độ xã hội* [4]: Xã hội luôn vận động và phát triển đòi hỏi sự thay đổi về yêu cầu giáo dục, đáp ứng nhu cầu xã hội; Mục tiêu giáo dục mầm non là phát triển trẻ em trở nên nhanh nhẹn, mạnh dạn, tự tin và tự lập, luôn sáng tạo và chuẩn bị tốt những tiền đề để vào học tiểu học.

e. Nhân cách nghề nghiệp của giáo viên mầm non

Nhân cách nghề nghiệp nói chung, nhân cách nghề sư phạm nói riêng không tách bạch với nhân cách chung của một con người với tư cách là một công dân. Nhân cách nghề nghiệp vừa là một chỉnh thể các thuộc tính tâm lý ổn định vừa là một cấu trúc cá biệt tạo nên những đặc điểm nhân cách khác nhau của từng người trong từng lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp riêng và trong suốt quá trình hành nghề.

Nhân cách của người giáo viên một phần được hình thành trước khi học nghề, tiếp tục được hình thành và phát triển một cách có hệ thống trong quá trình học nghề và củng cố, tiến triển một cách ổn định, vững chắc trong quá trình hành nghề. Do vị trí và đặc thù lao động của người giáo viên mầm non làm việc với trẻ nhỏ, nên các yêu cầu cụ thể trong từng thành phần cấu trúc nhân cách của giáo viên mầm non có những nét riêng biệt. Phẩm chất và năng lực cụ thể của giáo viên mầm non bao gồm:

- *Phẩm chất cần thiết*: Yêu quý và tôn trọng trẻ em; Yêu nghề và gắn bó với nghề; Tận tụy với công việc chăm sóc, giáo dục trẻ em; Kiên trì và nhẫn nại khi tiếp xúc với trẻ; Linh hoạt, nhạy cảm và hài hước [4].

- *Năng lực nghề cần thiết*: Có hiểu biết sâu sắc về trẻ em lứa tuổi mầm non; Năng lực lập kế hoạch dạy học và giáo dục trẻ em; Năng lực tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học và giáo dục; Năng lực giao tiếp; Năng lực nhận thức và sáng tạo; Năng lực tự học; Nhóm kỹ năng hoạt động xã hội; Có suy nghĩ và quan điểm tích cực [4].

2.2. Các mức độ phát triển năng lực thích ứng nghề của sinh viên ngành sư phạm mầm non

a. Năng lực thích ứng nghề ở mức độ dưới trung bình

Ở mức độ này, những biểu hiện trong các tiêu chí đánh giá nội dung phát triển năng lực thích ứng nghề của sinh viên không được thể hiện rõ rệt, không thường xuyên, chỉ đôi khi được thể hiện trong những tình huống nhất định. Sinh viên chưa tích cực trong học tập và rèn luyện nghề, sự thiếu linh hoạt và thụ động trong các hoàn cảnh thích ứng.

b. Năng lực thích ứng nghề ở mức độ trung bình

Sinh viên có những biểu hiện của năng lực thích ứng ở mức độ trung bình, nhưng chưa tích cực, chưa hiệu quả, có thể thích nghi và làm quen với môi trường học tập và rèn luyện nghề nghiệp, song kết quả chỉ ở mức bình thường, chưa có sự nhạy cảm, sự thay đổi kịp thời để đáp ứng những yêu cầu của hoạt động.

c. Năng lực thích ứng nghề ở mức độ cao

Những biểu hiện ở mức độ này cho thấy sinh viên có khả năng thích ứng với các hoạt động học tập và rèn luyện nghề nghiệp một cách khá dễ dàng, có phản xạ nhanh với những biến đổi và yêu cầu của cuộc sống và hoạt động rèn luyện nghề nghiệp, đạt kết quả tốt trong các lĩnh vực hoạt động đào tạo nghề.

d. Năng lực thích ứng nghề ở mức độ rất cao:

Đây là mức độ cao nhất của năng lực thích ứng nghề ở sinh viên, thể hiện sự linh hoạt sáng tạo, tính tích cực rất cao của sinh viên trong các hoạt động học tập và rèn luyện nghề nghiệp. Ở mức độ này sinh viên không những có khả năng thích nghi làm quen mà còn có khả năng thay đổi, sáng tạo, cải tạo hoàn cảnh và bản thân cho phù hợp với sự biến đổi và yêu cầu của hoạt động nghề nghiệp.

2.3. Thực trạng năng lực thích ứng (NLTU) nghề của sinh viên ngành sư phạm mầm non Trường Đại học Phú Yên

Để đánh giá thực trạng này, chúng tôi tiến hành khảo sát 155 sinh viên năm thứ nhất, thứ hai và thứ ba đang học ngành sư phạm mầm non và phân tích các số liệu thu thập được từ phiếu trả lời của sinh viên thông qua các tiêu chí đánh giá năng lực thích ứng nghề. Kết quả khảo sát dựa trên 4 nội dung và xử lý bằng cách tính điểm trung bình cộng (Điểm trung bình cộng cho ta biết mức độ tập trung của dữ liệu điều tra).

$$\bar{X} = \frac{1}{n} \sum_{i=1}^n X_i$$

2.3.1. Thực trạng NLTU với việc tự học, tự nghiên cứu và hoàn thiện nhân cách

TT	Các biểu hiện	Các mức độ				ĐTB
		1	2	3	4	
1	Nhận thức được những yêu cầu cao và luôn thay đổi của xã hội đối với phẩm chất đạo đức của giáo viên mầm non	41%	43%	9%	7%	1.52
2	Luôn tiếp cận với các phương pháp học tập mới, có khả năng tự học, tự nghiên cứu và rèn luyện nhân cách của giáo viên mầm non	41%	49%	7%	3%	1.56
3	Có khả năng đáp ứng những yêu cầu cao của xã hội đối với sinh viên ngành sư phạm mầm non	35%	55%	6%	4%	1.45
4	Tự chủ, thích nghi với môi trường đạo đức đặc biệt của nghề sư phạm	40%	50%	8%	2%	1.52
5	Nhận thức và có khả năng làm chủ dưới những tác động tiêu cực của xã hội	39%	61%	0%	0%	1.50

Nhìn vào bảng số liệu trên cho thấy, năng lực thích ứng với việc tự học, tự nghiên cứu và hoàn thiện nhân cách của người giáo viên mầm non hầu hết được biểu hiện ở sinh viên ở mức độ 1 và 2: Mức độ trung bình, với các giá trị điểm trung bình từ 1.45 đến 1.56. Điều này cho thấy sinh viên chưa thực sự thích ứng và đạt ở mức độ cao trong việc lĩnh hội những giá trị của nghề, những yêu cầu cao về phẩm chất đạo đức và năng lực của giáo viên mầm non. Tìm hiểu nguyên nhân được biết, việc trang bị kiến thức về nghề giáo viên mầm non còn hạn chế, sinh viên chưa có điều kiện nghiên cứu sâu về nghề. Bản thân sinh viên không chủ động, tự giác sắp xếp cho mình thời gian biểu tự học, tự nghiên cứu tài liệu hay cũng có thể có thời khóa biểu tự học nhưng lại không nghiêm túc thực hiện để từng bước thích ứng với năng lực nghề.

2.3.2. Thực trạng NLTU với quá trình đào tạo nghề

TT	Các biểu hiện	Các mức độ				ĐTB
		1	2	3	4	
1	Tìm hiểu và thích ứng với chương trình đào tạo nghề ở Khoa Giáo dục tiểu học và mầm non (Khung chương trình, chương trình đào tạo, các môn cơ sở, các môn chuyên ngành, các môn nghiệp vụ, thực tế, thực tập,...)	39%	61%	0%	0%	1.50
2	Tìm hiểu và thích ứng với các hình thức, nội dung, phương pháp học tập tại Khoa Giáo dục tiểu học và mầm non	39,3%	50,4%	6,1%	4,2%	1.50
3	Tìm hiểu và thích ứng với cảnh quan môi trường, nơi ăn ở và học tập, cơ sở vật chất của Trường, Khoa Giáo dục tiểu học và mầm non	43%	45%	7%	5%	1.57
4	Biết tự chủ trong sinh hoạt cá nhân, khắc phục khó khăn của bản thân và thích ứng với môi trường học tập ở trường đại học	31%	69%	0%	0%	1.58

Kết quả số liệu ở bảng trên cho thấy, NLTU của sinh viên với quá trình đào tạo nghề ở Trường Đại học Phú Yên chủ yếu ở mức độ trung bình, ĐTB từ 1.50 đến 1.58, điều này cho thấy sinh viên chưa thực sự chủ động tích cực tham gia tìm hiểu, nghiên cứu nội dung, hình thức của chương trình đào tạo, phương pháp học tập mới phù hợp với bản thân, nhiều sinh viên hạn chế về khả năng thích nghi với môi trường giao tiếp. Điều này có ảnh hưởng nhất định đến khả năng thích ứng nghề của sinh viên.

2.3.3. Thực trạng NLTU với hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non

TT	Các biểu hiện	Các mức độ				ĐTB
		1	2	3	4	
1	Nắm vững kiến thức về hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non, tích cực tìm hiểu các môn tâm lý học trẻ em, giáo dục học mầm non và các môn chuyên ngành	16%	65%	11%	8%	2.05
2	Tập thiết kế giáo án chăm sóc và giáo dục trẻ, thiết kế	14%	70%	10%	6%	2.07

	các hoạt động vui chơi, hoạt động học tập, quan sát công việc chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường MN					
3	Tích cực rèn luyện khả năng ngôn ngữ, cách phát âm, cách kể chuyện, kỹ năng tổ chức và quản lý lớp học, kỹ năng thu hút trẻ tham gia vào các hoạt động được tổ chức tại trường mầm non	18%	62%	11%	9%	2.11
4	Có năng lực quan sát, theo dõi và đánh giá mức độ tăng trưởng và phát triển trẻ em qua từng độ tuổi	19%	65%	14%	2%	1.96

Kết quả khảo sát ở bảng trên cho thấy, so với các biểu hiện của những năng lực thích ứng khác, năng lực thích ứng với hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non của sinh viên biểu hiện có tính khả quan hơn, các tiêu chí thể hiện trên mức trung bình và cao (ĐTB từ 1.96 đến 2.11). Điều này chứng tỏ, khi có giảng viên trực tiếp hướng dẫn trong quá trình rèn luyện nghề, sinh viên từng bước thực hiện có kết quả các công việc cụ thể của người giáo viên mầm non.

2.3.4. Thực trạng NLTU với yêu cầu phát triển chuyên môn liên tục

TT	Các biểu hiện	Các mức độ				ĐTB
		1	2	3	4	
1	Nhận thức nhanh chóng những yêu cầu của nghề ở hiện tại và tương lai	44,8%	48,2%	5,2%	1,8%	1.50
2	Cập nhật thường xuyên thông tin về nghề chăm sóc và giáo dục trẻ nhỏ	40,6%	45,4%	6,8%	7,2%	1.55
3	Rèn luyện không ngừng để đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của nghề sư phạm mầm non	40,3%	49,4%	6,1%	4,2%	1.50
4	Trau dồi kiến thức về ngoại ngữ và công nghệ thông tin, kiến thức xã hội có liên quan phục vụ cho công tác chuyên môn	46,7%	37,7%	11,3%	4,3%	1.07

Ở bảng trên, khảo sát về NLTU với yêu cầu phát triển chuyên môn liên tục của người giáo viên mầm non, cho thấy những biểu hiện năng lực này ở mức độ trung bình, sinh viên chưa nhận thức sâu sắc về sự phát triển chuyên môn liên tục của nghề, đa số sinh viên chỉ tập trung học tập tích cực vào các kỳ thi kết thúc học phần. Với cách học tập thiếu tính chủ động và liên tục sẽ ảnh hưởng đến kết quả rèn luyện và khả năng thích ứng nghề chậm của sinh viên.

Qua kết quả điều tra, tìm hiểu cho thấy, năng lực thích ứng nghề của sinh viên ngành sư phạm mầm non chủ yếu được đánh giá ở mức trung bình. Phân tích nguyên nhân này, khi trao đổi với sinh viên, đa số các bạn chưa thực sự chủ động và đầu tư thời gian để nghiên cứu kỹ về chương trình đào tạo nghề, chưa thấy được nghề nghiệp đã chọn sẽ thực sự đi theo mình, học đến đâu thì đến. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến toàn bộ quá trình học tập và rèn luyện nghề của sinh viên ngành giáo dục mầm non.

2.4. Biện pháp phát triển năng lực thích ứng nghề cho sinh viên ngành sư phạm mầm non ở Trường Đại học Phú Yên

Một số căn cứ đề xuất các biện pháp phát triển năng lực thích ứng nghề cho sinh viên ngành sư phạm mầm non: (1) Nhân cách nghề, đặc điểm yêu cầu về phẩm chất, năng lực sư phạm và chuẩn nghề nghiệp của giáo viên mầm non. (2) Khảo sát thực trạng năng lực thích ứng nghề của sinh viên ngành sư phạm mầm non tại Trường Đại học Phú Yên. Các biện pháp đề xuất:

2.4.1. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức trong hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên cho sinh viên ngành sư phạm mầm non

- Tăng cường nội dung và hình thức thực hành rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên cho sinh viên ngành sư phạm mầm non, giúp sinh viên vận dụng lý thuyết trong việc rèn luyện các kỹ năng chăm sóc và giáo dục trẻ em.

- Mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tổ chức thực hành nghề, tổ chức hội thi rèn luyện nghiệp vụ sư phạm: thi tìm hiểu về nghề chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non, thi làm đồ dùng, đồ chơi trong dạy trẻ, thi tìm hiểu về chế độ dinh dưỡng cho trẻ em qua các độ tuổi, thi kể chuyện, tổ chức hoạt động học, vui chơi cho trẻ tham gia, thi về kỹ năng giao tiếp với trẻ em và xử lý tình huống thực tế ở trường mầm non,...

- Giảng viên tham gia giảng dạy các môn rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên luôn sáng tạo và linh hoạt đưa nội dung cũng như hình thức rèn luyện phát triển kỹ năng nghề cho sinh viên, từng bước giúp sinh viên tìm hiểu và thực hành các công việc cụ thể của giáo viên mầm non.

- Thiết kế nội dung và hình thức đánh giá phù hợp nhằm khuyến khích sinh viên tham gia tích cực trong hoạt động rèn luyện nghề.

- Sinh viên luôn tích cực, chủ động tạo thói quen và hứng thú cho bản thân trong rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, luôn nhận thức được lợi ích cao quý của nghề dạy học, nghề chăm sóc và giáo dục trẻ em, sẵn sàng và có ý thức tham gia tích cực trong các hình thức hoạt động rèn luyện nghề.

2.4.2. Phối hợp chặt chẽ giữa Khoa Giáo dục tiểu học và mầm non và giảng viên với Trường mầm non trong giáo dục nghề nghiệp cho sinh viên.

- Giúp sinh viên ngành sư phạm mầm non thích ứng nhanh với thực tế dạy học, chăm sóc và giáo dục trẻ ở các trường mầm non khi đi thực tập sư phạm và ra trường thực hành nghề.

- Tạo mối quan hệ thường xuyên gắn kết giữa quá trình đào tạo nghề của Trường Đại học Phú Yên, Khoa Giáo dục tiểu học và mầm non với quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ ở các trường mầm non. Đặc biệt xây dựng mối liên hệ gắn kết giữa giảng viên và giáo viên nhằm giúp đỡ và tạo điều kiện cho sinh viên tìm hiểu thực tế hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ ở các trường mầm non một cách linh hoạt.

- Giảng viên đang trực tiếp hướng dẫn sinh viên thực hành, thực tế, thực tập có nhiệm vụ phối hợp với trường mầm non xây dựng và triển khai kế hoạch cụ thể cho sinh viên tìm hiểu và tham gia thực tế ở trường mầm non.

- Hướng dẫn sinh viên trao đổi, viết báo cáo, thu hoạch, đánh giá và rút kinh nghiệm về khả năng vận dụng lý thuyết vào quá trình thực hành nghề của bản thân tại các trường mầm non.

2.4.3. Xây dựng mô hình tư vấn về nghề chăm sóc và giáo dục trẻ em mầm non tại Khoa Giáo dục tiểu học và mầm non

- Giúp sinh viên thích ứng với hoạt động học tập và rèn luyện nghề, với chương trình đào tạo chuyên ngành sư phạm mầm non ở trường đại học; giúp các em lựa chọn, thiết kế thực hiện chương trình học tập, tham gia tích cực vào các hoạt động rèn luyện nhằm phát triển năng lực nghề.

- Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết, nhận thức sâu sắc và có được những thông tin hữu ích về nghề chăm sóc và giáo dục trẻ em. Giúp các em hiểu được năng lực, sở trường so với những yêu cầu của nghề, tìm ra những khó khăn, thiếu hụt tâm lý, nhân cách trong học tập và rèn luyện nghề, biết cách khắc phục và hoàn thiện năng lực nghề.

- Tư vấn cho sinh viên về những khó khăn tâm lý trong quá trình học tập trên lớp và tự học như tiếp nhận tri thức khoa học, cách ghi chép, nghiên cứu tài liệu, phương pháp tiếp cận và thực hiện nhiệm vụ học tập của giảng viên, cách làm bài kiểm tra, thực hành, viết báo cáo, bài thu hoạch, ...

- Tư vấn cho sinh viên những khó khăn tâm lý trong các mối quan hệ giao tiếp có liên quan đến việc học tập và rèn luyện nghề như giao tiếp với giảng viên, bạn bè, cán bộ quản lý giáo dục, với giáo viên ở các trường mầm non, ...

- Tư vấn cho sinh viên cách thức trang bị cho mình những nhóm kỹ năng cần thiết như kỹ năng giao tiếp ứng xử, kỹ năng tìm kiếm thông tin, kỹ năng xây dựng và gìn giữ hình ảnh giáo viên mầm non, kỹ năng quản lý thời gian và lập kế hoạch hoạt động học tập, thi cử, rèn luyện nghề, kỹ năng chăm sóc và giáo dục trẻ em, kỹ năng làm đồ chơi, đồ dùng dạy học ở trường mầm non, kỹ năng xử lý tình huống trong giao tiếp với trẻ em, ...

- Tư vấn cho sinh viên có nhu cầu học tập, nhận thức cao, phát triển chuyên môn liên tục, ứng dụng phương pháp dạy học tích cực vào tổ chức các hoạt động cho trẻ em, tìm hiểu và nghiên cứu về trẻ em mầm non, chế độ dinh dưỡng trẻ em, xây dựng môi trường lớp học hiệu quả ở trường mầm non, ...

- Tư vấn cho sinh viên trước, trong và sau khi tham gia các hoạt động thực tế chuyên môn, thực tập ở trường mầm non, giúp các em có được tâm thế chủ động và đạt kết quả cao khi tham gia các hoạt động rèn luyện nghề.

2.4.4. Phát triển năng lực tự nghiên cứu và rèn luyện nghề cho sinh viên ngành sư phạm mầm non

- Cần tăng cường rèn nghề cho sinh viên trong quá trình giảng dạy. Coi rèn nghề là một trong những biện pháp quan trọng trong phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên. Nhiệm vụ đầu tiên các giảng viên cần chú trọng là lồng ghép phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên khi dạy học các môn học trong chương trình. Đối với các giảng viên dạy những môn kiến thức cơ sở như: Tâm lý học, giáo dục học, âm nhạc, tạo hình trong quá trình dạy học cần liên hệ với chương trình mầm non để sinh viên có điều kiện được tiếp cận với những công việc liên quan đến dạy học ở trường mầm non ngay từ năm thứ nhất.

- Đối với giảng viên dạy các môn phương pháp: Vấn đề phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên sẽ được lồng ghép trong từng nội dung kiến thức. Chẳng hạn, giao cho sinh viên tự thiết kế bài giảng, tổ chức trích đoạn tiết dạy, hay tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ em để sinh viên góp ý, thảo luận và rút ra kết luận, ...

- Cần đổi mới công tác kiểm tra và đánh giá. Việc kiểm tra, đánh giá phải dựa trên

các tiêu chuẩn, tiêu chí rõ ràng, cụ thể của từng kỹ năng công việc có thể quan sát được theo năng lực thực hiện. Các tiêu chí này phải được xây dựng trên kết quả đạt được chuẩn đầu ra; Các phiếu đánh giá phải được thiết kế trình bày đơn giản và khoa học, phải đánh giá được mức độ hoàn thành và mức độ năng lực của mỗi sinh viên sau khi học xong. Các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá phải được công bố trước khi thực hiện để sinh viên định hướng cùng với mục tiêu bài học.

- Để rèn luyện năng lực nghề nghiệp, sinh viên cần có sự nỗ lực học nghề, giảng viên phối hợp tích cực rèn nghề cho sinh viên, cùng với sự phối hợp của các cơ sở giáo dục mầm non, có như vậy mới đáp ứng được nhu cầu về khả năng làm việc ngày càng cao của xã hội đối với sinh viên ngành sư phạm mầm non.

3. Kết luận

Nghề dạy học nói chung và nghề chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non nói riêng có những yêu cầu cao về chuẩn nghề nghiệp, về đặc điểm phẩm chất và năng lực sư phạm. Muốn đáp ứng được những yêu cầu đó, mỗi cá nhân thực hiện công việc này phải không ngừng học tập, rèn luyện, nói cách khác, đó là quá trình phát triển nghề liên tục và hoàn thiện dần từ khi bắt đầu học nghề và thực hành nghề ở trường mầm non. Trong quá trình đó, việc phát triển năng lực thích ứng nghề cho sinh viên ngành sư phạm mầm non là yếu tố cơ bản giúp cho quá trình hình thành và phát triển nhân cách nghề của người giáo viên mầm non đạt kết quả tốt nhất. Ở Trường Đại học Phú Yên, Khoa Giáo dục tiểu học và mầm non và đặc biệt là đội ngũ giảng viên đang trực tiếp giảng dạy và hướng dẫn thực hành nghề cho sinh viên ngành sư phạm mầm non luôn quan tâm đến chất lượng đào tạo nghề cho sinh viên. Thực hiện đồng bộ các biện pháp chính là tăng cường phát triển năng lực thích ứng nghề giúp sinh viên ngành sư phạm mầm non nâng cao hiểu biết về nghề, củng cố lòng yêu nghề, yêu trẻ em, xây dựng tâm thế sẵn sàng tham gia vào thực tế hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ. Đồng thời năng lực thích ứng nghề còn giúp sinh viên không ngừng phát triển liên tục năng lực chuyên môn mà nghề nghiệp đặt ra, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của xã hội đối với nghề sư phạm mầm non □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phạm Tất Dong (2000), *Nghề nghiệp tương lai*, Nxb Giáo dục.
- [2] Nghiêm Thị Đương (2006), *Nghiên cứu xu hướng nghề sư phạm của sinh viên cao đẳng sư phạm nhà trẻ mẫu giáo*, Luận án tiến sĩ, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Văn Hộ (2000), *Thích ứng sư phạm*, Nxb Giáo dục.
- [4] Hồ Lam Hồng (2008), *Nghề giáo viên mầm non*, Nxb Giáo dục.
- [5] Lê Xuân Hồng (2002), *Những kỹ năng sư phạm mầm non*, Nxb Giáo dục.
- [6] Nguyễn Việt Sự (2005), *Giáo dục nghề nghiệp – Những vấn đề và giải pháp*, Nxb Giáo dục.
- [7] Phạm Trung Thanh, Nguyễn Thị Lý (2003), *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên*, Nxb Đại học sư phạm.

(Ngày nhận bài: 23/04/2019; ngày phản biện: 30/04/2019; ngày nhận đăng: 03/06/2019)